

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định chính sách tiền lương,
chế độ phụ cấp đối với nhà giáo**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo (dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị**

Nghị quyết số 29-NQ/TW¹: Xác định phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT là một trong 09 nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, trong đó khẳng định nhà nước cần “*Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục... Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng*”.

Kết luận số 91-KL/TW: Bộ Chính trị yêu cầu các cơ quan tập trung thực hiện tốt 08 nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ “*Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài làm việc trong ngành Giáo dục; thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng*”.

Nghị quyết số 71-NQ/TW²: Bộ Chính trị nêu nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó “*Có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo; nâng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông lên tối thiểu 70% cho giáo viên, tối thiểu 30% cho nhân viên, 100% cho giáo viên ở khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng chính sách phù hợp để huy động được người giỏi ngoài lực lượng nhà giáo tham gia giảng dạy, huấn luyện trong các cơ sở giáo dục; thực hiện chế độ giảng viên đồng cơ hữu cho những người giỏi đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập; có cơ chế khuyến khích huy động người giỏi chủ trì các hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục*”.

¹ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

² Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Nghị quyết số 27-NQ/TW: Khẳng định 04 quan điểm chỉ đạo, trong đó có quan điểm *“Chính sách tiền lương là một chính sách đặc biệt quan trọng của hệ thống chính sách kinh tế - xã hội. Tiền lương phải thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương; trả lương đúng là đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội; thúc đẩy, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững”*.

Theo đó, sẽ thiết kế cơ cấu tiền lương mới gồm: Lương cơ bản (chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương) và các khoản phụ cấp (chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương); xây dựng 01 bảng lương chức vụ; xây dựng 01 bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức áp dụng chung đối với công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo. Tuy nhiên, khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận 83-KL/TW ngày 21/6/2024 thì chính sách tiền lương mới tạm thời chưa triển khai thực hiện. Đồng thời, Bộ Chính trị giao Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu và quyết định việc sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp và chế độ đặc thù của lực lượng vũ trang, chế độ phụ cấp của cán bộ, công chức, viên chức một số chuyên ngành, nhất là phụ cấp theo nghề mà trong quá trình thực hiện có phát sinh bất hợp lý.

2. Cơ sở pháp lý

Tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo ở cơ sở giáo dục công lập được quy định tại Luật Nhà giáo như sau:

“a) Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp;

b) Phụ cấp ưu đãi nghề và phụ cấp khác theo tính chất công việc, theo vùng theo quy định của pháp luật;

c) Nhà giáo cấp học mầm non; nhà giáo công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt; nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập; nhà giáo ở một số ngành, nghề đặc thù được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn so với nhà giáo làm việc trong điều kiện bình thường.” (khoản 1 Điều 23)

Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết về tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo (khoản 4 Điều 23).

3. Cơ sở thực tiễn

Tiền lương của nhà giáo đang được chi trả theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP³ và được áp dụng theo Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, hưởng mức lương khởi điểm tương ứng với quy định về trình độ đào tạo (loại B đối với trình độ trung cấp, loại A0 đối với trình độ cao đẳng, loại A1, A2, A3 đối

³ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

với từ trình độ đại học trở lên). Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Tờ trình này.

Ngoài lương, nhà giáo còn được hưởng một số loại phụ cấp như sau: phụ cấp thâm niên nhà giáo; phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy các cấp học, môn học, đối tượng dạy học và theo vùng miền công tác với các mức từ 25% - 70%. Ngoài ra, nhà giáo công tác tại các trường chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn còn được hưởng một số loại phụ cấp, trợ cấp tương ứng⁴. Bên cạnh đó, ở một số vị trí việc làm, đối với một số loại công việc, nhà giáo còn được chi trả thêm các khoản phụ cấp, trợ cấp, thù lao khác như phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, phụ cấp lưu động, chính sách ưu đãi trong giáo dục hòa nhập... Các loại phụ cấp, trợ cấp này góp phần cải thiện thu nhập, tạo động lực để nhà giáo yên tâm công tác, nhất là nhà giáo công tác tại các vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo còn một số bất cập như sau:

3.1. Liên quan đến chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp

a) Thứ nhất, chưa thực hiện được chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong thang bậc lương hành chính sự nghiệp

Bảng lương áp dụng cho viên chức nói chung gồm có 10 thang lương (từ viên chức loại C3 đến A3.1)⁵ với các bậc từ 1 đến 12 (số bậc tùy loại viên chức). Tuy nhiên, thực trạng xếp lương đối với các chức danh nhà giáo như sau:

- Chỉ có 03 chức danh nhà giáo được áp dụng lương của viên chức loại A3 (gồm A3.2 và A3.1 là 2 thang lương cao nhất) là giảng viên đại học cao cấp (bao gồm cả chức danh giáo sư và phó giáo sư), giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp, giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp, chiếm tỷ lệ khoảng **1,17%** so với tổng số nhà giáo. Trong khi các ngành, lĩnh vực khác đều có khoảng **10%** viên chức được áp dụng lương của viên chức loại A3. Cụ thể:

STT	Cấp học, trình độ đào tạo	Số lượng tổng ước khoảng	Số lượng hưởng lương A3 ước khoảng	Ghi chú
1	Giảng viên đại học	67.300	6.730	A3.1
2	Giảng viên GDNN	36.000	3.600	A3.1
3	Giáo viên GDNN	36.500	3.650	A3.2
4	Giáo viên THPT	132.200	0	
5	Giáo viên GDTX	10.000	0	
6	Giáo viên DBĐH	400	0	
7	Giáo viên THCS	278.000	0	
8	Giáo viên tiểu học	370.000	0	
9	Giáo viên mầm non	266.000	0	

4 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ quy định về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ quy định về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

⁵ 10 thang lương sắp xếp theo từ thấp đến cao, tương ứng với từ thang 1 đến thang 10 là C1, C2, C3, B, A0, A1, A2.2, A2.1, A3.2, A3.1

	Tổng cộng	1.196.400	13.980	1,17%
--	------------------	------------------	---------------	--------------

Trong khi đó, nhiệm vụ của tất cả viên chức hạng I nói chung cũng giống với nhiệm vụ của nhà giáo cao cấp (hạng I) là xây dựng tài liệu, hướng dẫn viên chức các hạng thấp hơn; làm ban giám khảo, ban ra đề hoặc hướng dẫn tại các cuộc thi, hội thi; là nhóm tiên phong trong việc xây dựng, triển khai các định hướng đổi mới của ngành... và đặc biệt là *không yêu cầu nhiệm vụ hoạch định chính sách* như công chức.

- Lương của hầu hết nhà giáo (trừ giảng viên cao đẳng, đại học, giáo viên giáo dục nghề nghiệp) đang xếp thấp hơn viên chức các ngành khác như y tế (bác sĩ, dược sĩ), xây dựng (kiến trúc sư, thẩm kế viên), giao thông vận tải (kỹ thuật viên đường bộ, quản lý, bảo trì công trình...), tư pháp (lý lịch viên...), văn hóa – thể thao (đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, huấn luyện viên...), khoa học công nghệ (nghiên cứu viên, kỹ sư), thông tin truyền thông (phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình).

Viên chức các ngành khác đều được phân loại thành 3 – 4 hạng (từ hạng IV đến hạng I), hưởng lương từ A1 – A2.1 – A3.1 (tương ứng với thang lương 6 – 8 – 10). Trong đó, trừ y tế và khoa học, công nghệ các ngành, lĩnh vực khác chỉ yêu cầu trình độ đào tạo chung của viên chức từ hạng III đến hạng I là **đại học**.

Trừ giảng viên đại học, cao đẳng và giáo viên giáo dục nghề nghiệp, nhà giáo cũng được phân loại thành 3 – 4 hạng (từ hạng IV đến hạng I), hầu hết đang hưởng lương từ A0 – A1 – A2.2 – A2.1 (tương ứng với thang lương 5 – 6 – 7 – 8) là giáo viên mầm non, phổ thông, dự bị đại học, giáo dục thường xuyên (chiếm tỷ lệ khoảng 88% so với tổng số nhà giáo).

- Điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo quy định “*nhà giáo mầm non... được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp **cao hơn** so với nhà giáo làm việc trong điều kiện bình thường*”. Tuy nhiên, hiện tại lương của giáo viên mầm non đang xếp thấp nhất so với các chức danh nhà giáo khác (A0 – A1 – A2) và gần như xếp thấp nhất so với các viên chức các ngành, lĩnh vực khác.

Trong khi đó, theo Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học “*Nghiên cứu hiện trạng điều kiện lao động của giáo viên bậc học mầm non làm cơ sở đề xuất xếp loại danh mục nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm*” do Viện Khoa học an toàn và vệ sinh lao động, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu, điểm đánh giá về điều kiện lao động của giáo viên mầm non là 3,69 nằm trong khoảng điểm từ 3,37 – 4,56 tương ứng với điều kiện lao động loại IV – công việc có điều kiện lao động loại IV là nghề, công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm.

Thậm chí, hiện còn có giáo viên GDNN chỉ được xếp ở thang lương 4 với hệ số lương khởi điểm 1,86, tiền lương theo hệ số của giáo viên GDNN mới vào nghề là 4.352.400 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Tờ trình này)

b) Thứ hai, bất cập trong việc thiết kế bảng lương viên chức

Quy định về tiền lương được áp dụng chung đối với tất cả viên chức các

ngành/lĩnh vực dẫn đến việc không thể hiện được mức độ phức tạp của từng ngành, nghề khác nhau.

Chênh lệch về hệ số lương giữa bảng lương của viên chức chưa có sự tương đồng, có bảng lương chênh lệch giữa hệ số lương khởi điểm của bảng quá ít, hoặc có bảng lương chênh giữa hệ số lương khởi điểm có khoảng cách khá xa. Chẳng hạn loại A0 (2,10) với A1 (2,34) và giữa A2.2 (4,0) với A2.1 (4,4) có chênh lệch hệ số lương khởi điểm rất ít. Nên chưa tạo động lực cho giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì việc trả lương phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và nguồn trả lương (từ ngân sách nhà nước cấp hoặc hỗ trợ và từ các nguồn thu theo quy định của pháp luật dùng để trả lương) của cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, thực tế cách trả lương theo các bảng – loại – bậc như hiện hành thì việc trả lương đang căn cứ theo chức danh được bổ nhiệm – trình độ đào tạo – thâm niên công tác.

Lương của nhà giáo mới vào nghề và nhà giáo lâu năm có khoảng cách chênh lệch lớn (hệ số cao hơn, phụ cấp thâm niên cao hơn, phụ cấp ưu đãi nghề tuy bằng nhau nhưng tính theo hệ số lương nên càng cách biệt) trong khi cùng thực hiện các nhiệm vụ về cơ bản giống nhau.

c) Một số quy định chế độ phụ cấp đối với nhà giáo chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ

- Nhà giáo được giao nhiệm vụ tổ trưởng/tổ phó chuyên môn hoặc tổ trưởng/tổ phó bộ môn mặc dù vẫn đang được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT⁶ từ mức 0,15 đến 0,3 tùy từng vị trí. Tuy nhiên, trong quy định về danh mục vị trí việc làm chức vụ quản lý không có tổ trưởng/tổ phó chuyên môn hoặc tổ trưởng/tổ phó bộ môn, do đó, việc chi trả phụ cấp chức vụ lãnh đạo là chưa phù hợp và cần quy định phụ cấp trách nhiệm công việc để thay thế.

- Giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên hiện đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT⁷. Tuy nhiên, giảng viên dạy tiếng dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học không được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc. Trong khi đó, bảo tồn tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số là một trong những nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đang chú trọng để tránh làm mai một, đánh mất giá trị truyền thống này.

- Để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên và để sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có, nhiều giáo viên được cử đi dạy biệt phái hoặc dạy liên trường giữa các cơ sở giáo dục hoặc được điều động sang cơ sở giáo dục khác. Đồng thời, nhiều

⁶ Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập

⁷ Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên

cơ sở giáo dục có nhiều điểm trường, giáo viên phải di chuyển giữa các điểm trường để giảng dạy. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, những giáo viên này không thuộc đối tượng được hưởng phụ cấp lưu động cho những ngày phải di chuyển.

3.2. Liên quan đến chính sách ưu đãi nhà giáo

Tình trạng thiếu giáo viên còn diễn ra ở nhiều địa phương (đặc biệt là giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập) do số học sinh tăng nhanh trong khi địa phương phải thực hiện tinh giản biên chế theo quy định; thiếu giáo viên ở một số môn học như tin học, ngoại ngữ, nghệ thuật do thiếu nguồn tuyển, do những người học chuyên ngành này có cơ hội tìm kiếm việc làm ở các ngành nghề khác với mức thu nhập cao hơn là trở thành nhà giáo; hoặc thiếu giáo viên công tác ở các trường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...

Tính đến tháng 4/2025, cả nước còn thiếu 102.097 giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông trong biên chế so với định mức quy định của Bộ GDĐT (trong đó mầm non thiếu 30.057, tiểu học thiếu 22.255, THCS thiếu 30.702, THPT thiếu 19.083).

Trong khi đó, một loạt các chủ trương mới đòi hỏi ngành Giáo dục cần nhiều hơn số lượng giáo viên đứng lớp và chất lượng giáo viên ngày càng phải tăng cao. Đó là việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội; lộ trình dạy học 2 buổi/ngày theo chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại Chi thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025; tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024...

Bên cạnh đó, trong 3 năm học, tính từ tháng 8.2020 - tháng 8.2023, cả nước có trên 40.000 giáo viên nghỉ việc, chuyển việc; giáo viên nghỉ việc độ tuổi dưới 35 chiếm tới 60% tổng số giáo viên nghỉ việc. Tính từ tháng 8.2023 đến tháng 4.2024 có 7.215 giáo viên nghỉ việc, trong đó số giáo viên bỏ nghề ở bậc mầm non chiếm tỷ lệ cao (khoảng 1.600 giáo viên, chiếm tỷ lệ khoảng 22%) và giảm dần theo các cấp học từ thấp đến cao.

Như đã nêu ở trên, nhà giáo được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề từ 25% đến 70%, trong đó, phần lớn nhà giáo chỉ hưởng mức phụ cấp 25% - 35% (khoảng 76%) tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng, thành phố nơi có mức sống cao hơn các vùng khác; các mức cao hơn chỉ áp dụng với các trường hợp đặc thù như: nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng hưởng 45%; nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các trường mầm non, tiểu học ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa hưởng 50%; nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đang công tác ở trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông (THPT) chuyên, trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật và trường giáo dưỡng được hưởng 70%... Bên cạnh đó, nhà giáo tham gia giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ 5 năm (60 tháng) được tính hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng

cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Từ năm thứ sáu trở đi, mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.

Như vậy, nhà giáo mới vào nghề trong 05 năm công tác đầu chỉ được hưởng lương theo hệ số lương và phụ cấp ưu đãi, chưa có phụ cấp thâm niên nên tổng thu nhập vẫn còn thấp, do đó, còn có khoảng cách chênh lệch xa so với giáo viên lâu năm dù các nhiệm vụ cơ bản như nhau. Cụ thể, mức lương thấp nhất của giáo viên mầm non khoảng 6,6 triệu đồng, giáo viên tiểu học khoảng 7,3 triệu đồng, giáo viên trung học cơ sở (THCS), THPT, dự bị đại học khoảng 7,1 triệu đồng; có khoảng cách quá xa so mức lương cao nhất của nhà giáo, tương ứng lần lượt là 20,6 triệu, 24,6 triệu, 28,5 triệu và 30,5 triệu; thấp hơn mức lương trung bình 7,7 triệu đồng của người lao động năm 2024.

Thu nhập chưa đảm bảo đủ sống cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến tình trạng giáo viên nghỉ việc có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây, nhất là đối với đội ngũ giáo viên trẻ có độ tuổi dưới 35 như đã nêu ở trên.

Mặc dù, Đảng và Nhà nước quan tâm đến chế độ, chính sách đối với nhà giáo, nhưng thực tế cho thấy các chế độ, chính sách hiện hành chưa thực sự thu hút được những học sinh giỏi đăng ký học ngành sư phạm; chưa thu hút được nhà khoa học trẻ, người có tài năng, người giỏi ở ngoài ngành sư phạm trở trở thành nhà giáo; chưa thực sự giữ chân được nhà giáo giỏi, nhà giáo công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn... Do đó, rất cần có những chính sách đột phá, vượt trội trong quy định về tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo để bảo đảm ổn định số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo..

** Vì vậy, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp bảo đảm căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý và hoàn toàn cần thiết để khắc phục những bất cập còn tồn tại trong thực tiễn, để xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo.*

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Cụ thể hóa chủ trương, định hướng tại các Nghị quyết của Đảng về tiền lương, phụ cấp đối với nhà giáo.
- Hướng dẫn thi hành Luật Nhà giáo về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo quy định tại khoản 4 Điều 23.
- Góp phần thu hút người giỏi trở thành nhà giáo, tạo động lực để nhà giáo an tâm công tác, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Xây dựng Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật; bảo đảm các nguyên tắc về bình đẳng giới và không làm phát sinh quy định thủ tục hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng Nghị định bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp

luật về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, có một số điểm đáng chú ý sau:

- Đã đăng tải dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến rộng rãi của công dân và nhận được ... ý kiến.

- Đã được các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan tham gia góp ý (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp...).

- Đã nhận được ý kiến của ... cơ sở đào tạo, ... tỉnh/thành phố đối với hồ sơ Nghị định và có ...% số người tham gia góp ý nhất trí với các dự kiến quy định tại Nghị định.

Bộ GDĐT đã cầu thị, nghiêm túc tiếp thu các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ Nghị định.

- Đã rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật và rà soát các quy định về thủ tục hành chính... Qua quá trình nghiên cứu, rà soát, Bộ GDĐT nhận thấy các nội dung quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính và không làm phát sinh các vấn đề về giới.

- Đã được Bộ Tư pháp thẩm định, nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định và đánh giá dự thảo Nghị định phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 203/2025/QH15; cơ bản đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật; không làm phát sinh thủ tục hành chính; không trực tiếp phát sinh vấn đề về giới; dự thảo Nghị định được xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ gửi thẩm định cơ bản đầy đủ theo quy định. Đồng thời, có ... ý kiến cụ thể và đã được Bộ GDĐT tiếp thu.

- Đã trình Chính phủ tại Tờ trình số ...

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

b) Đối tượng áp dụng: Nhà giáo được tuyển dụng làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm có 4 Chương 12 Điều:

- Chương I - Quy định chung: Gồm 02 Điều quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- Chương II - Chính sách tiền lương đối với nhà giáo: Gồm 03 Điều quy định về bảng lương áp dụng đối với nhà giáo, hệ số lương đặc thù đối với nhà giáo, công thức tính mức lương và phụ cấp đối với nhà giáo.

- Chương III - Chế độ phụ cấp đối với nhà giáo: Gồm 04 Điều quy định nguyên tắc thực hiện chế độ phụ cấp đối với nhà giáo, phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp lưu động, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Chương IV - Điều khoản thi hành: Gồm 03 Điều quy định điều khoản áp dụng, hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bảng lương hành chính sự nghiệp theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW; tiến tới thực hiện chủ trương trả lương theo vị trí việc làm theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; thể chế hóa yêu cầu có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo theo Nghị quyết số 71-NQ/TW; hoàn thiện quy định về phụ cấp theo Kết luận số 83-KL/TW; cụ thể hóa chính sách tiền lương, phụ cấp quy định tại Điều 23 Luật Nhà giáo:

- Quy định bảng lương đối với nhà giáo: Điều 3 dự thảo Nghị định;
- Quy định về hệ số lương đặc thù: Điều 4 dự thảo Nghị định;
- Quy định về chế độ phụ cấp: Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 dự thảo Nghị định.

3.2. Vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp

a) Vấn đề chưa được pháp luật quy định

Trước khi Chính phủ quy định chính sách tiền lương mới, việc trả lương vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP. Nhà giáo vẫn thực hiện sắp xếp lương theo các viên chức các ngành, lĩnh vực khác chưa thực hiện được chính sách “*Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp*” tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo như đã nêu ở mục I-3-3.1. Do đó, Bộ GDĐT đề xuất quy định hệ số lương đặc thù mức 1,25 đối với giáo viên mầm non và 1,15 đối với các nhà giáo khác. Riêng nhà giáo giảng dạy tại trường, lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; trường phổ thông liên cấp nội trú tiểu học, trung học cơ sở vùng biên giới đất liền được hưởng thêm 0,05 so với mức quy định. Chi tiết tại Điều 4 dự thảo Nghị định.

Theo đó, hệ số lương đặc thù có sự khác biệt giữa giáo viên mầm non, nhà giáo công tác tại các trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường liên cấp nội trú tiểu học, THCS tại vùng biên giới đất liền⁸ (tăng hơn 0,05 so với nhà giáo cấp học tương ứng) bảo đảm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo⁹.

⁸ Việc xây dựng trường thực hiện theo chủ trương của Bộ Chính trị tại Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 về chủ trương xây dựng trường học cho các xã biên giới.

⁹ Điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo: “Nhà giáo cấp học mầm non; nhà giáo công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhà giáo dạy trường

Theo quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ được phong quân hàm thiếu úy. Theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, thiếu úy được hưởng hệ số lương 4,20 (cao gấp khoảng gần 1,8 lần so với mức lương 2,34 của giáo viên tốt nghiệp trình độ đại học), sau 02 năm giữ quân hàm thiếu úy được thăng quân hàm trung úy và hưởng hệ số lương 4,60 (cao gấp khoảng gần 2 lần so với mức lương 2,34 của giáo viên – sau 02 năm công tác, giáo viên vẫn đang giữ hệ số lương 2,34), sau 03 năm giữ quân hàm trung úy được thăng quân hàm thượng úy và hưởng hệ số lương 5,00 (sau 05 năm công tác thì hệ số lương được hưởng cao gấp khoảng gần 1,9 lần so với mức lương 2,67 của giáo viên). Bên cạnh đó, mức lương của đại tá (sau nâng) là 11,00 so với mức lương cao nhất của giáo viên cao cấp (viên chức loại A3.1, hệ số lương 8,00) thì lương của đại tá cao gấp khoảng 1,38 lần. Như vậy, việc quy định hệ số lương đặc thù đối với nhà giáo vẫn bảo đảm lương của nhà giáo thấp hơn lương của lực lượng vũ trang.

Trước thời điểm năm 2025, nhiều Bộ, ngành đang được hưởng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Chẳng hạn như (1) mức chi tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong tổ chức Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, người lao động thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp của ngành lao động - thương binh và xã hội bằng 1,8 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (hiện vẫn đang được thực hiện cho đến ngày 30/6/2025 theo Nghị quyết 62/2024/UBTVQH15); (2) Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan áp dụng không vượt quá 1,8 lần và chi bổ sung thu nhập từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên không vượt quá 0,2 lần so với mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định... Như vậy, việc quy định cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù đã có tiền lệ đối với viên chức các ngành, lĩnh vực khác.

Đánh giá tác động: Quy định về hệ số lương đặc thù giúp tiến tới hiện thực hóa chính sách “*Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp*” trong bối cảnh Chính phủ chưa quy định chính sách tiền lương mới, việc trả lương vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

b) Vấn đề đã có quy định nhưng chưa phù hợp

Chức danh giáo sư là chức danh cao nhất của giảng viên, nhưng hiện đang xếp lương chung với phó giáo sư và các chức danh giảng viên cao cấp hạng I khác, mặc dù đã được xếp cao hơn 1 bậc khi bổ nhiệm chức danh giáo sư nhưng việc sử dụng chung thang lương chưa thể hiện được cấp bậc, vị trí, vai trò dẫn dắt chuyên môn, khai phá và sáng tạo tri thức mới của giáo sư. Do đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất điều chỉnh bảng lương đối với giáo sư theo hướng áp dụng bảng lương

chuyên biệt; nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập; nhà giáo ở một số ngành, nghề đặc thù được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn so với nhà giáo làm việc trong điều kiện bình thường”.

chuyên gia cao cấp (3 bậc: 8,8 – 9,4 – 10,0).

Đánh giá tác động:

Giáo sư được xếp lương của chuyên gia cao cấp bảo đảm thực hiện được chủ trương “*Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp*”.

Hiện nay, đối tượng được áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp theo Nghị định số 92/2025/NĐ-CP ngày 25/4/2025 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm chuyên gia cao cấp theo Quy định số 180-QĐ/TW ngày 11/7/2024 của Ban Bí thư về chuyên gia cao cấp, gồm (1) Cán bộ, công chức, viên chức; (2) Người đã nghỉ hưu, người làm việc ngoài hệ thống chính trị (người không thuộc biên chế của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bao gồm cả người Việt Nam và người nước ngoài).

Giáo sư hiện đang là chức danh cao nhất, thể hiện năng lực, uy tín khoa học và vai trò dẫn dắt chuyên môn, khai phá và sáng tạo tri thức mới đối với lĩnh vực được bổ nhiệm chức danh giáo sư; là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp đối với các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Như vậy, xét theo tiêu chuẩn, điều kiện của chuyên gia cao cấp theo Quy định số 180-QĐ/TW thì giáo sư cũng có sự tương đồng với chuyên gia cao cấp. Do đó, dù không khẳng định giáo sư là chuyên gia cao cấp nhưng việc áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp đối với giáo sư là phù hợp với vị trí, vai trò của giáo sư đối với sự phát triển đối với lĩnh vực được bổ nhiệm chức danh giáo sư.

3.3. Vướng mắc, bất cập từ thực tiễn

- ***Thứ nhất***, việc chi trả phụ cấp trách nhiệm công việc đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, có giáo viên, cán bộ quản lý trường chuyên biệt, giáo viên làm tổng phụ trách Đội thuộc đối tượng được chi trả tiền phụ cấp trách nhiệm công việc. Để phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo, Bộ GDĐT đề xuất bổ sung đối tượng hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo cốt cán, tổ trưởng/tổ phó chuyên môn/bộ môn, nhà giáo được giao thực hiện công tác tư vấn học sinh, nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số (Điều 8 dự thảo Nghị định).

Đánh giá tác động:

+ Hiện tại các vị trí tổ trưởng hoặc tổ phó chuyên môn/bộ môn ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cơ sở GDNN, đại học đang được chi trả phụ cấp chức vụ lãnh đạo, tuy nhiên, theo quy định về bổ nhiệm viên chức quản lý và quy định về danh mục vị trí việc làm chức vụ, lãnh đạo thì tổ trưởng hoặc tổ phó chuyên môn/bộ môn không phải là vị trí chức vụ, lãnh đạo. Do đó, việc chi trả phụ cấp chức vụ lãnh đạo không phù hợp. Để bảo đảm quyền lợi cho đội ngũ này và bảo đảm phù hợp với trách nhiệm của vị trí việc làm, việc quy định hưởng phụ cấp trách nhiệm là phù hợp.

+ Theo quy định tại Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT¹⁰, phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang được chi trả đối với các vị trí tổ trưởng hoặc tổ phó chuyên môn/bộ môn từ mức 0,15 đến 0,3 tùy từng vị trí. Tuy nhiên, theo Thông tư số 05/2005/TT-BNV, chỉ có 4 mức phụ cấp trách nhiệm công việc là 0,1, 0,2, 0,3, 0,5. Do đó, khi chuyển từ mức 0,15 lên mức 0,2 và 0,25 lên mức 0,3 chênh lệch 0,05 so với mức lương cơ sở là 117.000 đ sẽ làm phát sinh ngân sách chi trả.

+ Quy định đối với nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số đang thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 32/2021/TT-BGD&ĐT. Tuy nhiên, để bảo đảm thống nhất về các đối tượng nhà giáo được hưởng phụ cấp trách nhiệm trong cùng 01 văn bản quy định và bảo đảm đúng thẩm quyền của Chính phủ trong việc quy định về chế độ, chính sách; đồng thời, quy định phụ cấp trách nhiệm với các đối tượng trên liên quan đến các Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ nên việc Chính phủ quy định tại Nghị này là phù hợp.

- **Thứ hai**, theo quy định tại Thông tư số 06/2005/TT-BNV¹¹, chỉ có nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (kể cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và những người trong thời gian thử việc) công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đang làm chuyên trách về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục mà trong tháng có từ 15 ngày trở lên đi đến các thôn, bản, phum, sóc thì mới được hưởng phụ cấp lưu động. Tuy nhiên, theo thực tế yêu cầu của công tác GD&ĐT, hiện có các đối tượng nhà giáo khác như đề xuất bổ sung ở trên phải di chuyển giữa các cơ sở giáo dục để thực hiện nhiệm vụ. Nhà giáo dạy liên trường chính thức được quy định tại Luật Nhà giáo để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy, nhà giáo dạy ở các điểm trường do các cơ sở giáo dục có sự sắp xếp lại để giảm đầu mối theo yêu cầu quản lý. Do đó, Bộ GD&ĐT đề xuất bổ sung đối tượng hưởng phụ cấp lưu động ở mức 0,2 gồm có nhà giáo được cử biệt phái; nhà giáo dạy tăng cường, dạy liên trường; nhà giáo phải di chuyển để dạy ở các điểm trường hoặc phân hiệu đặt tại các thôn, bản, phum, sóc (Điều 9 dự thảo Nghị định).

Ngoài ra, quy định về phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo giảng dạy người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được tích hợp tại Nghị định này để bảo đảm các chính sách được quy định tập trung, không tản mác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu và tổ chức thực hiện.

Đánh giá tác động: Phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Nghị định không quy định thủ tục hành chính, không làm phát sinh thủ tục hành chính và không có nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

¹⁰ Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập

¹¹ Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức

3.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

Nghị định này không quy định về phân quyền, phân cấp, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị định quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, dự thảo Nghị định có bổ sung, điều chỉnh một số nội dung để bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, tuân thủ quy định của pháp luật. Cụ thể như sau...

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Việc điều chỉnh xếp lương đối với giáo sư và quy định hệ số lương đặc thù sẽ làm phát sinh chi phí chi trả, cụ thể như sau:

1. Đối với quy định điều chỉnh bảng lương áp dụng đối với giáo sư

Theo số liệu thống kê năm học 2023 – 2024, số lượng giáo sư hiện là 668 người (trong đó có 473 giáo sư trong cơ sở giáo dục công lập và 195 giáo sư trong cơ sở giáo dục ngoài công lập) chiếm tỷ lệ xấp xỉ 0,79% so với số lượng giảng viên đại học. Các trường hợp này hiện đang được áp dụng bảng lương của chuyên viên cao cấp với hệ số lương từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00 như vậy, nếu được áp dụng bảng lương của chuyên gia cao cấp thì sẽ được xếp sang hệ số lương 8,8 và với mức chênh lệch trung bình là 1,7, tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đ thì chi phí phát sinh trong 01 tháng đối với tiền lương cơ bản là $1,7 \times 2.340.000 \text{ đ} \times 473 \text{ người} = 1.881.594.000 \text{ đ}$ (chỉ tính công lập). Tuy nhiên, về cơ bản, các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu có chức danh giáo sư đang tự chủ chủ yếu mức độ 3, 2 và tiến tới sẽ tăng mức tự chủ, do đó, tiền lương chi trả cho giáo sư về cơ bản không làm phát sinh nhiều ngân sách nhà nước.

2. Đối với quy định hệ số lương đặc thù

Ngân sách phát sinh chủ yếu cho đối tượng là giáo viên mầm non, phổ thông do chiếm số lượng lớn nhà giáo và các cơ sở giáo dục khác hiện đang tự chủ mức độ 3, mức độ 2. Theo đó, ngân sách phát sinh khoảng **1.652** tỷ đồng/tháng.

3. Đối với quy định về phụ cấp

Chi phí phát sinh để chi trả phụ cấp lưu động cho các đối tượng bổ sung khoảng 5,5 tỷ/tháng, 50 tỷ/năm.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Như đã nêu ở trên, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được Bộ GDĐT tiếp thu, giải trình đầy đủ. Đồng thời, tất cả các ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan Trung ương, các tỉnh/thành phố, các cơ sở đào tạo và các đối tượng chịu tác động của chính sách cũng đã được Bộ GDĐT rà soát, nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện và có một số ý kiến giải trình. Ý kiến góp ý của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính cũng đã được Bộ GDĐT nghiên cứu, tiếp thu và làm rõ trong quy định tại Dự thảo.

Tính đến thời điểm hiện tại, các nội dung dự kiến quy định tại Nghị định

quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo đã được Bộ GDĐT hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu các ý kiến góp ý. Như vậy, hiện tại không còn nội dung khác nhau cần xin ý kiến. Bộ GDĐT kính trình Chính phủ cho ý kiến thông qua Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp, chính sách hỗ trợ, thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo, Bộ GDĐT xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc ban hành.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này:

- Dự thảo Nghị định;
- Những nội dung bổ sung mới so với dự thảo văn bản gửi thẩm định;
- Tờ trình số .../TTr-BGDĐT ngày ...)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Vụ Kinh tế tổng hợp (để p/h);
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, NGCBQLGD (1b), Trang (5b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

PHỤ LỤC 1
BẢNG LƯƠNG HIỆN HÀNH CỦA NHÀ GIÁO

Cấp học	Hạng CDNN	Bảng lương	Hệ số khởi điểm	Mức lương cao nhất khoảng	Mức lương thấp nhất khoảng
Mầm non	hạng III	A0	2,10		6.600.000 đ giáo viên hạng III, hệ số lương 2,10, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 0%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 35%
	hạng II	A1	2,34		
	hạng I	A2.2	4,00	20.600.000 đ giáo viên hạng I, hệ số lương khoảng 4,68, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo khoảng 19%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%	
Tiểu học	hạng III	A1	2,34		7.300.000 đ giáo viên hạng III, hệ số lương 2,34, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 0%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 35%
	hạng II	A2.2	4,00		
	hạng I	A2.1	4,40	24.600.000 đ giáo viên hạng I, hệ số lương khoảng 5,42, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo khoảng 24%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%	
THCS	hạng III	A1	2,34		7.100.000 đ giáo viên hạng III, hệ số lương 2,34, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 0%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 30%
	hạng II	A2.2	4,00		
	hạng I	A2.1	4,40	28.500.000 đ giáo viên hạng I, hệ số lương khoảng 6,10, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo khoảng 30%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%	
THPT, dự bị	hạng III	A1	2,34		7.100.000 đ

Cấp học	Hạng CDNN	Bảng lương	Hệ số khởi điểm	Mức lương cao nhất khoảng	Mức lương thấp nhất khoảng
đại học					giáo viên hạng III, hệ số lương 2,34, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 0%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 30%
	hạng II	A2.2	4,00		
	hạng I	A2.1	4,40	30.500.000 đ giáo viên hạng I, hệ số lương khoảng 6,44, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo khoảng 33%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%	

PHỤ LỤC 2
BẢNG SO SÁNH VIỆC XẾP LƯƠNG VIÊN CHỨC NHÀ GIÁO
VỚI VIÊN CHỨC MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

Thang lương	Loại viên chức	Giáo dục	Y tế (bác sĩ, dược sĩ)	Xây dựng (kiến trúc sư, kỹ sư)	Văn hóa, thông tin (đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, huấn luyện viên, phóng viên, biên dịch viên, ...)	Khoa học công nghệ (nghiên cứu viên, kỹ sư)
10	A3.1	Giảng viên cao cấp (hạng I) Giảng viên cao đẳng cao cấp (hạng I) Giảng viên GDNN cao cấp	Bác sĩ cao cấp (hạng I) Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) Dược sĩ cao cấp	Kiến trúc sư hạng I Kỹ sư cao cấp	Đạo diễn nghệ thuật hạng I Diễn viên hạng I Biên tập viên hạng I Phóng viên hạng I Biên dịch viên hạng I Đạo diễn truyền hình hạng I Họa sĩ hạng I Huấn luyện viên cao cấp (hạng I)	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) Kỹ sư cao cấp (hạng I)
9	A3.2	Giáo viên GDNN cao cấp				
8	A2.1	Giảng viên chính (hạng II) Giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II) Giảng viên GDNN chính Giáo viên tiểu học hạng I Giáo viên THCS hạng I Giáo viên THPT hạng I Giáo viên dự bị đại học hạng I	Bác sĩ chính (hạng II) Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) Dược sĩ chính	Kiến trúc sư hạng II Kỹ sư chính	Đạo diễn nghệ thuật hạng II Diễn viên hạng II Biên tập viên hạng II Phóng viên hạng II Biên dịch viên hạng II Đạo diễn truyền hình hạng II Họa sĩ hạng II Huấn luyện viên chính (hạng II)	Nghiên cứu viên chính (hạng II) Kỹ sư chính (hạng II)
7	A2.2	Giáo viên mầm non hạng I Giáo viên tiểu học hạng II Giáo viên THCS hạng II				

Thang lương	Loại viên chức	Giáo dục	Y tế (bác sĩ, dược sĩ)	Xây dựng (kiến trúc sư, kỹ sư)	Văn hóa, thông tin (đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, huấn luyện viên, phóng viên, biên dịch viên, ...)	Khoa học công nghệ (nghiên cứu viên, kỹ sư)
		Giáo viên THPT hạng II Giáo viên dự bị đại học hạng II				
6	A1	Giảng viên (hạng III) Giảng viên cao đẳng sư phạm (hạng III) Giảng viên GDNN lý thuyết Giáo viên GDNN lý thuyết Giáo viên mầm non hạng II Giáo viên tiểu học hạng III Giáo viên THCS hạng III Giáo viên THPT hạng III Giáo viên dự bị đại học hạng III	Bác sĩ (hạng III) Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) Dược sĩ	Kiến trúc sư hạng III Kỹ sư	Đạo diễn nghệ thuật hạng III Diễn viên hạng III Chức danh nghề nghiệp Biên tập viên hạng III Phóng viên hạng III Biên dịch viên hạng III Đạo diễn truyền hình hạng III Họa sĩ hạng III Huấn luyện viên (hạng III)	Nghiên cứu viên (hạng III) Kỹ sư (hạng III)
5	A0	Giảng viên GDNN thực hành Giáo viên GDNN thực hành Giáo viên mầm non Giáo viên tiểu học chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo (trình độ cao đẳng) Giáo viên THCS chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo (trình độ cao đẳng)				

Thang lương	Loại viên chức	Giáo dục	Y tế (bác sĩ, dược sĩ)	Xây dựng (kiến trúc sư, kỹ sư)	Văn hóa, thông tin (đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, huấn luyện viên, phóng viên, biên dịch viên, ...)	Khoa học công nghệ (nghiên cứu viên, kỹ sư)
4	B	Giáo viên GDNN Giáo viên mầm non chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo (trình độ trung cấp) Giáo viên tiểu học chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo (trình độ trung cấp)	Y sĩ Dược hạng IV	Thẩm kế viên hạng IV	Đạo diễn nghệ thuật hạng IV Diễn viên hạng IV Họa sĩ hạng IV Huấn luyện viên cao cấp (hạng IV)	Trợ lý nghiên cứu (hạng IV) Kỹ thuật viên (hạng IV)

